



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ PHÒNG THÔNG TIN-VĂN HÓA

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh St., Hà Nội
Tel: 831-4580 * Fax: 831-4601 * Email: irchano@pd.state.gov

CÁC GIẢI PHÁP ĐA PHƯƠNG CHO NHỮNG VẤN ĐỀ SONG PHƯƠNG GIÚP NGĂN CHẶN XU HƯỚNG ĐƠN CỰC

Ralph A. Cossa

Chủ tịch, Diễn đàn Thái Bình Dương CSIS và

Jane Skanderup

Giám đốc Chương trình, Diễn đàn Thái Bình Dương CSIS

Tháng 1/2003

Có phải George W. Bush đang trở thành "Ngài Đa phương"? Không chính xác như vậy! Nhưng thậm chí ngay cả khi Chính quyền của ông đưa ra một báo cáo "đơn phương" nữa về chống vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) và Thủ tướng Australia John Howard đang khiến mọi người bàn tới bàn lui về từ "đánh phủ đầu", Tổng thống Bush tiếp tục tác động thông qua Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc để giải giáp vũ khí và thay đổi bản chất (nếu không muốn nói là thành phần) của Chính quyền Iraq đồng thời ít công khai hơn trong nỗ lực xây dựng một sự đồng thuận quốc tế để gây sức ép buộc Bắc Triều Tiên tuân thủ các cam kết quốc tế và song phương về giải trừ vũ khí hạt nhân. Trong khi đó, các tổ chức đa phương trong khu vực, bao gồm Hoa Kỳ (APEC) và không bao gồm Hoa Kỳ (ASEAN+3), đã có những động thái thú vị trong quý này khi kết hợp các vấn đề kinh tế và chính trị theo một số cách thức chưa từng thấy. Vào đầu năm mới, dự báo kinh tế ở Đông Á nói chung (dù thận trọng) là tích cực chừng nào mà các chương trình tái cơ cấu đã cam kết hoặc hoạch định còn được thực hiện và nền kinh tế khu vực, chưa nói đến nền kinh tế Hoa Kỳ, có thể trụ vững trước một cơ bão Iraq đang rất có khả năng xảy ra.

Đánh bại vũ khí hủy diệt hàng loạt

Những lời cáo buộc về chủ nghĩa đơn cực của Hoa Kỳ và những quan ngại về đòn "đánh phủ đầu" lại một lần nữa nổi lên vào tháng 12 khi chính phủ Hoa Kỳ đưa ra một báo cáo dài 6 trang về Chiến lược quốc gia chống vũ khí hủy diệt hàng loạt. Mặc dù việc này không khuấy động dư luận bằng việc công bố Chiến lược an ninh quốc gia của Hoa Kỳ hồi tháng 9 vừa qua (vấn đề này đã được xem xét trong các bài viết quý trước), những người chỉ trích một lần nữa nhanh chóng đặt tên cho báo cáo này là "một sự leo thang nguy hiểm nữa của cuộc chạy đua hạt nhân".

Báo cáo mới tháng 12 bắt đầu bằng một câu trích dẫn từ báo cáo công bố hồi tháng 9 và nhanh chóng gắn kết hai báo cáo với nhau, nhấn mạnh rằng một chiến lược hữu hiệu để đánh bại vũ khí hủy diệt hàng loạt là một "thành tố không thể thiếu" của Chiến lược An ninh Quốc gia. Báo cáo mới đưa ra ba "cột trụ" trong chiến lược của Washington nhằm đánh bại vũ khí hủy diệt hàng loạt: chống phổ biến sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt, tăng cường các hoạt động không phổ

biến để chống lại các hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và xử lý hậu quả để ứng phó với việc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt. Ba nội dung này được mô tả là "những yếu tố không tách rời của một phương thức tiếp cận toàn diện".

Báo cáo tháng 12 dường như cố ý tránh dùng thuật ngữ "đánh phủ đầu", chỉ sử dụng một lần trong phần về "Phòng thủ và Giảm nhẹ thiệt hại", trong đó nêu rằng Hoa Kỳ "phải có khả năng phòng thủ chống kẻ thù được trang bị vũ khí hủy diệt hàng loạt, kể cả việc sử dụng các biện pháp đánh phủ đầu trong những trường hợp thích hợp". Điều thu hút sự quan tâm và các đầu đề báo chí nhiều nhất là tuyên bố "Hoa Kỳ sẽ tiếp tục khẳng định rõ ràng rằng họ có quyền giáng trả với sức mạnh áp đảo - kể cả việc dùng tới tất cả các khả năng - trước việc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt để chống lại Hoa Kỳ, các lực lượng của Hoa Kỳ ở nước ngoài, các bạn bè và đồng minh". Nói cách khác, những ai có ý định sử dụng loại vũ khí này được cảnh cáo rằng hành động của họ sẽ kéo theo một sự đáp trả bằng vũ khí hạt nhân.

Điều này hoàn toàn không có gì mới. Trong Chiến tranh Vùng Vịnh năm 1991, Saddam Hussein đã được thông báo rằng Hoa Kỳ sẽ đáp trả "bằng cách sử dụng tất cả những phương tiện sẵn có" trước một cuộc tấn công hóa học hoặc sinh học chống lại các lực lượng đồng minh. Một báo cáo của Lầu Năm Góc đưa ra vài năm trước đó đã cho biết "các vũ khí hạt nhân vẫn có vai trò quan trọng như một trong hàng loạt những đòn giáng trả sẵn sàng được sử dụng để đối phó với sự đe dọa hoặc sử dụng vũ khí NBC (hạt nhân, sinh học, hóa học) chống lại lợi ích của Hoa Kỳ". Tuy nhiên, vấn đề thời gian xem ra có ý nghĩa quan trọng vì Hoa Kỳ dường như đã chuẩn bị cho cuộc chiến tranh chống Iraq trong khi đó vẫn phải đối phó với một Bắc Triều Tiên ngày càng có những động thái leo thang - hai quốc gia được cho là sở hữu vũ khí hóa học và sinh học, và có lẽ cả vũ khí hạt nhân.

Cần chú ý rằng báo cáo trên không đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân trước, càng không phải đe dọa một cuộc tấn công phủ đầu bằng vũ khí hạt nhân. Tuy nhiên, một vài nước (trong đó Bắc Triều Tiên là nước đầu tiên) đã chọn cách đối mặt với chính sách hiện được gọi là "tấn công phủ đầu bằng vũ khí hạt nhân" của Chính quyền Washington. Những lời cảnh báo từ các tổ chức như Hội đồng vì một Thế giới Tốt đẹp với nội dung "Chính quyền Bush hiện nay đang hạ thấp một cách nguy hiểm ngưỡng bùng phát cuộc tàn phá hạt nhân trên toàn hành tinh" đã góp phần tạo nên nổi ám ảnh và châm ngòi cho chiến dịch tuyên truyền của Bắc Triều Tiên nhưng, chắc chắn là ngẫu nhiên, cũng góp phần gửi thông điệp răn đe của Chính quyền Bush tới những ai có ý định sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt chống lại Hoa Kỳ.

Đánh phủ đầu kiểu Úc

Mặc dù đánh phủ đầu không phải là trọng tâm trong báo cáo tháng 12 của Nhà Trắng, khái niệm này đã thu hút được thêm sự chú ý trong quý này tiếp sau bài phát biểu của Thủ tướng Úc John Howard trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình vào ngày 1/12, theo đó, bất kỳ thủ tướng nào cũng "trượt kỳ sát hạch căn bản nhất về khả năng điều hành" nếu không dùng hành động đánh phủ đầu để ngăn chặn một cuộc tấn công gần kề. Malaysia và Indonesia ngay lập tức lên án mạnh mẽ bài phát biểu trên, với việc Thủ tướng Malaysia Mahathir Mohamad, người chưa bao giờ bắn một người Úc nào, bình luận rằng Canberra đang hành động "như là trong thời kỳ xa xưa khi người da trắng có thể bắn giết người thổ dân châu Úc mà không đếm xỉa gì đến nhân quyền".

Hầu như không có ai chú ý đến những gì Howard thực sự đã nói: "Lý lẽ chắc chắn là nếu bạn tin rằng ai đó đang định tấn công đất nước của bạn - theo cách thông thường hoặc bằng khủng bố - và bạn có khả năng ngăn chặn cuộc tấn công đó và không còn sự lựa chọn nào khác là phải sử dụng khả năng đó, tất nhiên bạn sẽ sử dụng nó". Khi được hỏi rằng phải chăng điều đó có nghĩa là ra đòn đánh phủ đầu bọn khủng bố ở một nước láng giềng, Howard trả lời "đúng vậy" nhưng lại nói thêm rằng "hiện tại tôi chưa thấy có tình trạng nào cần phải sử dụng biện pháp đó". Chắc chắn, điều này không thể giúp tránh được cơn giận dữ do câu nói đó gây nên.

Đối với tôi, điều đáng chú ý nhất là lời khuyến cáo của Howard rằng "không còn sự lựa chọn nào khác là phải sử dụng khả năng đó". Điều này đặt ra câu hỏi chưa có lời giải đáp: Jakarta hoặc Kuala Lumpur sẽ làm gì nếu Úc đưa cho họ bằng chứng về một cuộc tấn công đang có nguy cơ xảy ra và yêu cầu họ có những hành động cần thiết để ngăn chặn cuộc tấn công đó. Cũng có quan điểm gần giống như vậy, Thứ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Richard Armitage, (điều này không có gì đáng ngạc nhiên) sau khi bảo vệ quan điểm của Howard, cho rằng đó là "lời đánh thức" đối với khu vực và đã khẳng định rằng "Thông điệp thực sự là họ, những nước láng giềng của Úc, phải có những nỗ lực tối đa để bảo vệ chính họ vì khi đó sẽ không có ai cần phải đánh phủ đầu để ngăn chặn những mối đe dọa".

Trong khi đó, vào cuối tháng 12 đã có những báo cáo về việc Indonesia gửi quân đến biên giới giữa Indonesia và Papua New Guinea để chống lại các cuộc tấn công qua biên giới của những kẻ ly khai của phong trào "Papua Tự do". Căn cứ vào phản ứng mạnh mẽ của Jakarta trước những bình luận của Howard, có một điều chắc chắn là hành động đánh phủ đầu qua biên giới sẽ không được sử dụng... liệu có phải thế không?

Tại Washington, mọi chuyện (vẫn) xoay quanh vấn đề Iraq

Bất chấp những cố gắng tuyệt vọng và liên tục của Bắc Triều Tiên trong việc làm đổi hướng chú ý theo cách của họ, Chính quyền Bush vẫn tập trung vào vấn đề Iraq trong ba tháng qua. Các cuộc thảo luận về các biện pháp xử lý vấn đề Iraq hầu như nằm trong chương trình nghị sự của tất cả các cuộc thảo luận ngoại giao với các quan chức Đông Á. Mong muốn sử dụng Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc để tiến hành những nỗ lực đa phương nhằm giải giáp Iraq (và hy vọng là hạ bệ Saddam Hussein) của Hoa Kỳ đã góp phần làm dịu vấn đề, đặc biệt vào 8/11, sau nhiều nhượng bộ chính trị, Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc cuối cùng đã nhất trí thông qua nghị quyết với lời lẽ mạnh mẽ yêu cầu các thành viên của Liên Hợp Quốc có quyền tự do tìm kiếm vũ khí hủy diệt ở Iraq. Hội đồng Bảo an không cho Hoa Kỳ tất cả những gì họ muốn - không được tự động thực hiện hành động quân sự trong trường hợp Iraq không tuân thủ - nhưng nghị quyết đã tạo ra một sự đồng thuận toàn cầu mà Mỹ cần để buộc Iraq giải giáp theo cách có thể kiểm chứng được hoặc phải chịu hậu quả (không cụ thể nhưng, ít nhất theo Washington, là chắc chắn). Trung Quốc bỏ phiếu ủng hộ nghị quyết (chứ không đứng ngoài cuộc như mọi khi đối với những vấn đề tương tự). Điều này khẳng định sự thành công mà cả hai phía đã có được trong việc ổn định quan hệ Trung-Mỹ. Trước đó, trong cuộc gặp thượng đỉnh giữa Tổng thống Bush và Chủ tịch Giang Trạch Dân ở Crawford, Texas vào ngày 25/10/2002, Iraq không hề là vấn đề giữa hai bên.

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên: Tìm kiếm trong vô vọng một cuộc khủng hoảng

Phần “Tổng quan khu vực” quý trước đã dự đoán về những hàm ý của chính sách "ngoại giao nụ cười" của Bắc Triều Tiên - nỗ lực rõ ràng của họ nhằm đồng thời cải thiện quan hệ với Seoul, Tokyo và Washington. Quan hệ với một trong ba nước đã không đến nỗi nào. Vào cuối quý vừa qua, vẫn còn thấy những nụ cười gương từ Seoul. Nhưng sự thể hiện của Tokyo và Washington thì có vẻ cứng rắn trong bối cảnh sự giận dữ đang tăng lên ở Nhật Bản do Bắc Triều Tiên từ chối cho các gia đình bị bắt cóc trước đây được rời khỏi Bắc Triều Tiên - chính những người bị bắt cóc được phép "đi thăm nhanh" Nhật Bản vào đầu tháng 11 nhưng đã từ chối trở lại Bắc Triều Tiên, và tất nhiên, cả do "sự thừa nhận" của Bình Nhưỡng rằng họ có chương trình làm giàu uranium, chứ chưa nói đến việc sau đó họ quyết định trục xuất các thanh sát viên của Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) và tháo bỏ các thiết bị giám sát của cơ quan này

Như đã nêu rất cụ thể trong phần nói về quan hệ Mỹ-Hàn Quốc (“Xét xử, gánh chịu hậu quả, đe dọa và cáo buộc”), chuyến thăm Bình Nhưỡng từ 3-5/10/2002 của Trợ lý Ngoại trưởng Hoa Kỳ phụ trách Đông Á và Thái Bình Dương James Kelly - chuyến thăm cấp cao đầu tiên tới Bắc Triều Tiên kể từ khi Bush lên nắm quyền - là hành động đầu tiên trong một màn kịch mới (và liên tục) mà Chính quyền Bush tiếp tục coi như là một "thách thức ngoại giao" nhưng cả thế giới ngày càng cho rằng đó là một cuộc khủng hoảng toàn diện.

Trợ lý Ngoại trưởng Kelly buộc tội Bắc Triều Tiên theo đuổi một chương trình bí mật làm giàu uranium và theo Kelly, Thứ trưởng Ngoại giao thứ nhất Bắc Triều Tiên Kang Sok-ju thừa nhận rằng lời buộc tội đó là đúng. Bắc Triều Tiên đã thận trọng hơn, lập luận rằng họ "có quyền" sở hữu vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí có “có sức tàn phá lớn hơn”, trong khi bị Tổng thống Bush gọi là một thành viên của "trục ma quỷ", nhưng về mặt chính thức Bắc Triều Tiên lại không xác nhận hoặc phủ nhận việc họ có vũ khí hạt nhân hay chương trình làm giàu uranium. Đáp lại, Chính quyền Bush tuyên bố rằng họ sẽ không theo đuổi một "phương cách táo bạo" như đã hứa hẹn nhằm cải thiện quan hệ Hoa Kỳ- Bắc Triều Tiên; thay vào đó, Hoa Kỳ từ chối tiếp tục đàm phán với Bình Nhưỡng cho đến khi có bằng chứng rõ ràng cho thấy chương trình làm giàu uranium được ngừng lại. Sau đó, Ủy ban Điều hành của Tổ chức Phát triển Năng lượng Bán đảo Triều Tiên (KEDO) bao gồm đại diện của Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu, đã quyết định "tạm ngừng" cung cấp dầu nhiên liệu nặng cho Bắc Triều Tiên như đã cam kết trong Hiệp định khung 1994 mà giờ đây Bắc Triều Tiên cho là “không còn giá trị”.

Đáp lại, Bình Nhưỡng tuyên bố rằng họ đang khởi động lại lò phản ứng hạt nhân Yongbyon và nhà máy tái xử lý, đồng thời trục xuất các thanh sát viên của IAEA và tháo bỏ các thiết bị giám sát được cài đặt nhằm đảm bảo rằng không có plutonium được chiết xuất từ năng lượng được đốt trong lò phản ứng và sử dụng để sản xuất vũ khí. Bình Nhưỡng cảnh cáo rằng sẽ có một "cuộc khủng hoảng chiến tranh thảm khốc" trừ phi Washington đồng ý tham gia một hiệp ước không xâm phạm. Mặc dù nhắc lại những đảm bảo trước đó rằng Hoa Kỳ không có ý định xâm lược Bắc Triều Tiên, Washington vẫn kiên quyết từ chối nhượng bộ hành động "tổng tiền bằng vũ khí hạt nhân" này.

Nỗ lực của Washington nhằm xây dựng một sự đồng thuận quốc tế chống lại chính sách mạo hiểm hạt nhân của Bình Nhưỡng đã tương đối thành công nếu xét về số lượng các quốc gia đã sẵn sàng lên án hành động của Bắc Triều Tiên. Tuy nhiên, cho đến giờ nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm buộc Bắc Triều Tiên tôn trọng cam kết trước đó và từ bỏ chương trình hạt nhân của họ hầu như chưa đạt được thành công nào. Sự quan ngại về việc tình trạng bế tắc về vấn đề Bắc Triều Tiên

cũng góp phần làm tăng thái độ chống Mỹ ở Hàn Quốc. Người dân Hàn Quốc có vẻ sẵn sàng đặt câu hỏi về động cơ hoặc hành động của Washington hơn là của Bình Nhưỡng mặc dù cuộc khủng hoảng gia tăng liên tục (và tới nay chỉ ở mức đe dọa sử dụng biện pháp vũ lực) là do Bắc Triều Tiên gây ra. Tuy nhiên, Tổng thống Hàn Quốc Kim Dae-jung đã cùng Tổng thống Bush và Thủ tướng Koizumi Junichiro đưa ra tuyên bố chung ngày 26/10 bên lề cuộc Họp các nhà Lãnh đạo APEC ở Los Cabos, Mexico, kêu gọi Bắc Triều Tiên từ bỏ chương trình vũ khí hạt nhân "ngay lập tức và có thể kiểm chứng". Sự đóng góp của Nhật Bản vào tuyên bố này đặc biệt mạnh mẽ bằng cách gắn các cuộc đàm phán bình thường hóa quan hệ Nhật-Bắc Triều Tiên với "sự tuân thủ triệt để Tuyên bố Bình Nhưỡng" của Bắc Triều Tiên, bao gồm vấn đề hạt nhân và vấn đề bắt cóc.

Tổng thống đắc cử của Hàn Quốc Roh Moo-hyun cũng đã yêu cầu Bắc Triều Tiên từ bỏ tham vọng vũ khí hạt nhân, mặc dù vẫn hoài nghi về cách tiếp cận "không đàm phán" của Chính quyền Bush. Cả Roh và Kim cùng lên án ngay một báo cáo của một quan chức cao cấp Hoa Kỳ nói rằng Chính quyền Bush đã có kế hoạch theo đuổi một chính sách "ngăn chặn riêng" đối với Bắc Triều Tiên, một cụm từ mà rõ ràng chưa hề được nói ra ở Washington.

Tiến lên! Chủ nghĩa đa phương ở châu Á tiếp tục tiến triển

Tại cuộc họp các nhà lãnh đạo APEC lần thứ 12 vào ngày 26-27/10 ở Mexico - lần đầu tiên do một nước thành viên Mỹ La-tinh của APEC chủ trì - tập thể các nhà lãnh đạo APEC cũng đưa ra một tuyên bố chính trị hiếm hoi, kêu gọi Bắc Triều Tiên "thực sự tôn trọng các cam kết từ bỏ chương trình vũ khí hạt nhân". Trước cuối năm ngoái, các tuyên bố chính trị không có trong chương trình nghị sự của các nhà lãnh đạo APEC. Sự kiện thảm khốc 11/9/2001 đã làm thay đổi điều này; một tuyên bố mạnh mẽ lên án chủ nghĩa khủng bố quốc tế được thông qua tại Cuộc họp các nhà Lãnh đạo APEC ở Thượng Hải năm 2001. Tuyên bố của các nhà lãnh đạo kinh tế APEC 27/10/2002 mô tả chủ nghĩa khủng bố là "một sự đe dọa sâu sắc đối với tương lai của chúng ta, trong khi các nước thành viên cam kết thực hiện một loạt những biện pháp cụ thể để bảo vệ các luồng lưu chuyển thương mại, tài chính và thông tin.

Tuyên bố năm 2002 ủng hộ mạnh mẽ các cuộc đàm phán thành công của Chương trình nghị sự phát triển Doha, bao gồm việc chấm dứt tất cả loại trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp. Mặc dù các nhà lãnh đạo vẫn cam kết thực hiện Tuyên bố Bogor, và nhiều thành viên tiếp tục cố gắng đẩy mạnh quá trình kiểm điểm các kế hoạch hành động của từng nước, các mối quan tâm trong APEC dường như đang chuyển sang những kết quả cụ thể và thực tiễn hơn và không còn tập trung vào những chương trình hoành tráng. Chắc chắn với Vòng đàm phán Doha đang được thực hiện nghiêm túc, APEC sẽ có ít động cơ trong việc tập trung một cách thực tế vào vấn đề tự do hoá.

Những khía cạnh kinh tế của an ninh và chủ nghĩa khủng bố cũng đeo bám các thành viên APEC, và dường như đây thực sự là sự quan ngại của nhiều quốc gia (chứ không chỉ của riêng Hoa Kỳ). Các nhà lãnh đạo đã thông qua "Tuyên bố Los Cabos về Chống khủng bố và Thúc đẩy tăng trưởng". Tuyên bố này phát động chương trình "Thương mại an toàn trong các nền kinh tế APEC" (STAR), theo đó các nền kinh tế APEC cam kết tăng cường kiểm tra an ninh đối với người và hàng hóa trước khi quá cảnh, tăng cường an ninh cho tàu thuyền và máy bay trong khi vận chuyển và thắt chặt an ninh tại các sân bay và cảng biển. Đây là những nội dung đặc biệt

quan trọng bởi vì 21 trong số 30 cảng biển vận chuyển container hàng đầu và 23 trong số 30 sân bay lớn nhất trên thế giới nằm ở các nước thành viên APEC. Thái Lan là chủ tịch cuộc họp APEC năm 2003 và đã bắt đầu tập trung vào việc làm thế nào để tiếp tục thực hiện một số sáng kiến này.

Hội nghị thượng đỉnh ASEAN thúc đẩy hợp tác tiểu vùng

Trong các ngày từ 3 đến 5/10/2002, hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 8 và các cuộc họp song hành - bao gồm một cuộc họp thượng đỉnh ASEAN+3 (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản) và cuộc họp thượng đỉnh đầu tiên ASEAN-Ấn Độ - được tổ chức tại Phnom Penh, Campuchia. Hội nghị thượng đỉnh ASEAN đáng chú ý vì nó xem xét việc đẩy nhanh hội nhập trong một số ngành kinh tế trong ASEAN, cụ thể là hàng điện tử và tiêu dùng, theo khuyến nghị của báo cáo về sức cạnh tranh ASEAN do McKinsey & Company thực hiện. Các thành viên ASEAN nhất trí xác định những lĩnh vực có tiềm năng hội nhập nhanh và quan trọng là tìm ra cách thức để tăng cường một hệ thống giám sát tuân thủ của ASEAN. Trong một nỗ lực đầy quyết tâm hội nhập các thành viên mới hơn của ASEAN (Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam, còn gọi là các nước CLMV), các nhà lãnh đạo đã nhất trí cho phép hàng hóa của bốn nước này được miễn thuế nhập khẩu vào thị trường các nước ASEAN phát triển hơn vào năm 2003, sớm hơn 7 năm so với kế hoạch. Hội nghị cũng tuyên bố rằng cuộc họp thượng đỉnh ASEAN lần sau sẽ được tổ chức ở Bali, Indonesia vào tháng 10/2003, có lẽ do tình đoàn kết trong cuộc chiến chống khủng bố cũng như thu hút sự chú ý đối với "sự lo ngại sâu sắc về những lời khuyến cáo hạn chế đi lại không cần thiết" đã làm ảnh hưởng đến du lịch trong khu vực. Sự lo ngại này góp phần hình thành nên Hiệp định Du lịch ASEAN được ký tại cuộc họp thượng đỉnh này nhằm hỗ trợ nhiều điểm du lịch của ASEAN.

Cuộc họp ASEAN+3 lần thứ 6 không đem lại tiến triển nào đáng chú ý. Với những người quan tâm muốn biết tất cả các tuyên bố, sáng kiến và thảo luận kinh tế hướng tới mục đích gì, hội nghị này là một bằng chứng, dù những vấn đề cụ thể vẫn còn chưa rõ ràng. Các nhà lãnh đạo nhận được Báo cáo cuối cùng của Nhóm nghiên cứu Đông Á do Hàn Quốc khởi xướng và nhất trí với phương hướng là các hội nghị thượng đỉnh ASEAN+3 cần phát triển thành các "hội nghị thượng đỉnh Đông Á" và cuối cùng thành Khu vực Tự do mậu dịch Đông Á. Mặc dù báo cáo đưa ra những khuyến nghị cụ thể để thực hiện kế hoạch này về ngắn hạn và dài hạn, các nhà lãnh đạo tiếp tục thông qua các vấn đề cụ thể và thay vào đó yêu cầu các bộ trưởng kinh tế hoạch định những phương án lựa chọn cho việc hình thành dần một khu vực tự do mậu dịch.. Các bộ trưởng sẽ xem xét các nỗ lực hội nhập khác như Sáng kiến Sự phát triển Đông Á (IDEA) của Nhật Bản, Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI), và Hiệp định khung ASEAN-Trung Quốc (trao đổi dưới đây).

Hội nghị ASEAN+3 còn giải quyết những vấn đề chính trị và an ninh có chọn lựa, đặc biệt là khủng bố. Hội nghị đã nhất trí với đề xuất của Trung Quốc tổ chức một cuộc họp bộ trưởng về tội phạm xuyên quốc gia, và kêu gọi Bắc Triều Tiên hãy "cho thế giới thấy họ tôn trọng các cam kết" từ bỏ chương trình vũ khí hạt nhân của mình. An ninh cũng là vấn đề cấp thiết khi Trung Quốc trong quan hệ song phương với ASEAN, đã ký một "Tuyên bố về Ứng xử của Các bên tại biên Nam Trung Hoa" không có giá trị ràng buộc nhưng lại được tất cả các bên hoan nghênh vì được coi là một biện pháp xây dựng lòng tin.

Hội nghị thượng đỉnh ASEAN-Trung Quốc vào ngày 4/11 cũng thông qua Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế, trên cơ sở tuyên bố năm ngoái và giải quyết vấn đề còn gây tranh cãi về thời gian cho việc thành lập một khu vực mậu dịch tự do vào năm 2010 và năm 2015 đối với các thành viên ASEAN mới. ASEAN và Trung Quốc cũng thông qua một Tuyên bố chung về Hợp tác trong Lĩnh vực An ninh phi truyền thống, mà nội dung cụ thể sẽ được xác định sau. Trong một cuộc họp thượng đỉnh riêng rẽ, ASEAN và Nhật Bản đã ký một Tuyên bố chung về Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện mở ra một quan hệ đối tác với các yếu tố làm cơ sở cho một khu vực mậu dịch tự do sẽ được thực hiện trong 10 năm. Nhật Bản đang sử dụng mô hình hiệp định song phương của họ với Singapore trong các cuộc thảo luận với Thái Lan, Philippines và Việt Nam, nhằm tạo cơ sở cho hiệp định khung Nhật Bản-ASEAN vào năm tới.

Ngược lại với Nhật Bản và Trung Quốc, Hàn Quốc đã không theo đuổi hiệp định kinh tế với ASEAN và tỏ ra không quan tâm thực hiện điều đó. Thủ tướng Kim Suk-soo gợi ý rằng mặc dù Hàn Quốc quan tâm đến việc thành lập một khu vực tự do thương mại ở Đông Á, bất kỳ thỏa thuận nào cũng phải được thực hiện trong trung hoặc dài hạn do những quan ngại trong nước về hàng nông hải sản nhập khẩu từ Đông Nam Á. Tuy nhiên, Hàn Quốc vẫn tỏ ra rất tích cực với ASEAN và đã thành lập quỹ Hàn Quốc-ASEAN trị giá khoảng 2 triệu đô-la nhằm hỗ trợ các nước CLMV. Ngay trước cuộc họp thượng đỉnh được tổ chức hồi tháng 11 vừa qua, Hàn Quốc đã khai trương một trung tâm đào tạo công nghệ cao ở Phnom Penh, như một phần của các cam kết tại APEC của Hàn Quốc để thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số.

Hội nghị thượng đỉnh "Cộng Ba" bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đã đạt được sự quyết tâm trong việc tiếp tục nghiên cứu về một khu vực tam giác tự do thương mại. Đáng chú ý hơn, diễn đàn doanh nghiệp ba bên đầu tiên đã được tổ chức vào ngày 22/11 ở Seoul, theo đề xuất của Tổng thống Kim Dae-jung trong cuộc họp thượng đỉnh ASEAN+3 tại Việt Nam vào tháng 10. Diễn đàn do Liên đoàn Kinh tế Công nghệ châu Á Mới của Hàn Quốc, Liên đoàn các Tổ chức Kinh tế của Nhật Bản và Hội đồng Xúc tiến thương mại quốc tế của Trung Quốc đồng tổ chức. Đã có hơn 250 nhà lãnh đạo doanh nghiệp tham gia diễn đàn và đã ra "Tuyên bố Seoul" kêu gọi việc hình thành một hiệp định tự do thương mại Đông Á với sự hợp tác trong bảy lĩnh vực bao gồm dệt may, hóa dầu, thép, máy móc, điện tử, khí hóa lỏng và dịch vụ hậu cần.

Đối với cộng đồng kinh tế quốc tế, tất cả các cuộc đối thoại này chỉ là những âm thanh nền không đáng chú ý khi các hiệp định WTO rõ ràng đang tỏ ra hiệu quả hơn trong việc tự do hóa các thị trường. Tuy vậy, tại một hội nghị gần đây của Diễn đàn Thái Bình Dương, các đại biểu châu Á có quan điểm rõ ràng là có một "cảm nhận trong cộng đồng" rằng những cuộc đối thoại này, mặc dù chưa được thể chế hoá, đang đóng góp quan trọng cho quá trình toàn cầu hoá. Cũng đáng xem xét những thay đổi trong thái độ đã "cho phép" hội nghị ASEAN+3 được thành lập vào năm 1999. Đề nghị thành lập Hội nghị Kinh tế Đông Á (EAEC) của Thủ tướng Malaysia Mahathir vào năm 1992 đã bị Hoa Kỳ chỉ trích ngay lập tức, bị Trung Quốc bỏ lơ một cách lịch sự và gặp sự hờ hững của Nhật Bản.

Lời giải thích của phía Hoa Kỳ là vào năm 1992 họ lo lắng rằng EAEC là một khối kinh tế đặc biệt, gợi lại thời kỳ những năm 1930 khi các khối kinh tế cạnh tranh với nhau đã đưa nền kinh tế thế giới rơi vào vòng xoáy suy thoái. Vào năm 1999, quan điểm chung lại cho rằng toàn cầu hóa kinh tế đang thăng thế đến mức các khối kinh tế theo kiểu bảo hộ không thể tồn tại dù cố gắng cưỡng lại. Với Trung Quốc, cuộc khủng hoảng tài chính 1997-98 là một bước ngoặt và làm thay

đổi căn bản thái độ đối với các diễn đàn kinh tế đa phương. Một sự đồng thuận mới đã hình thành, đặc biệt là về sự cần thiết phải tham gia WTO, và mong muốn hình thành APEC cũng như ASEAN+3. Với Nhật Bản, sự ủng hộ ASEAN+3 cũng bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng tài chính 1997-98 và sự đồng thuận mới kêu gọi tích cực tham gia vào hợp tác kinh tế song phương và khu vực chứ không nên chỉ phụ thuộc vào các định chế kinh tế quốc tế. Thực tế, hiệp định ASEAN+3 đầu tiên - Sáng kiến Chiang Mai - đặt ra vấn đề chuyển đổi tiền tệ, một ý tưởng bắt nguồn từ đề xuất của Nhật Bản về một "IMF của châu Á" bị Hoa Kỳ và các tổ chức tài chính quốc tế bỏ lơ. Nhật Bản có đủ sự ủng hộ chính trị trong nước để tham gia một hiệp định khung khu vực như ASEAN+3, khác xa những gì Hoa Kỳ nghĩ, thách thức quan điểm cho rằng Nhật Bản chỉ có khả năng tham gia một cuộc đối thoại khu vực vì Hoa Kỳ không còn phản đối nữa.

Dự báo kinh tế Đông Á tỏ ra lạc quan một cách thận trọng

Khi bắt đầu năm mới, dự báo kinh tế ở Đông Á nói chung có vẻ (mặc dù thận trọng) tích cực, với nhiều nguồn phân tích dự đoán tăng trưởng kinh tế ở mức khiêm tốn trong năm 2003. Hai yếu tố ngoại sinh có thể ảnh hưởng tiêu cực đến viễn cảnh này là sự đi xuống ngoài dự kiến của nền kinh tế Hoa Kỳ và cuộc xung đột quân sự kéo dài ở Iraq làm tăng giá dầu và sự bất ổn định kinh tế. Tốc độ tăng trưởng của Hoa Kỳ trong năm 2003 dự kiến khoảng 2.8%, tăng so với mức ước tính 2,4% trong năm 2002. Ngân hàng Thế giới ước tính tăng trưởng chung của khu vực dự kiến giảm nhẹ từ 6,3% năm 2002 xuống 6,1% năm 2003.

Trong báo cáo tháng 12, Ngân hàng Thế giới lưu ý rằng phục hồi kinh tế ở Đông Á bắt đầu vào cuối năm 2001 và tiếp tục củng cố trong nửa đầu năm 2002, nhưng sau đó đã chậm lại trong quý 3 và những bất ổn đã tăng lên. Với tốc độ phục hồi kinh tế toàn cầu được dự đoán chậm hơn so với mong đợi, cầu đối với hàng xuất khẩu từ Đông Á có thể giảm và sự sụt giảm gần đây về các chỉ tiêu công nghệ cao cho thấy sự phục hồi trong lĩnh vực quan trọng này có thể còn nhiều chông gai. Tuy nhiên, trong tình hình thương mại thế giới và sản xuất tăng mạnh hơn trong năm 2003 so với 2002, bất kỳ sự suy giảm tăng trưởng nào ở Đông Á cũng sẽ chỉ ở mức độ thấp, đặc biệt khi tăng trưởng vững chắc ở Trung Quốc tạo ra thị trường mạnh cho xuất khẩu trong khu vực.

Trong năm 2003, các nước châu Á-Thái Bình Dương sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) do sự suy giảm luồng FDI trên toàn cầu trong các năm 2001 và 2002. Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) đã ước tính trong tháng 10/2002 rằng tổng vốn FDI trong năm 2002 giảm 27% xuống còn 534 tỷ đô-la, chỉ bằng khoảng 1/3 số vốn FDI tại thời điểm cao nhất vào năm 2000. Báo cáo nêu ra nhận định rằng tình hình kinh tế không chắc chắn và hoạt động yếu kém của thị trường cổ phiếu đang làm suy giảm lòng tin của giới kinh doanh, tác động sâu sắc đối với việc mở rộng kinh doanh và các vụ sáp nhập và chuyển nhượng đa quốc gia, thường chiếm khoảng 80% vốn FDI trong những năm gần đây.

Thông điệp của UNCTAD là hai năm sụt giảm FDI liên tiếp cho thấy có sự cạnh tranh căng thẳng về các nguồn vốn từ bên ngoài; các nước sẽ cần "xác định thế mạnh và nhược điểm của họ để thu hút được loại vốn FDI có thể vừa giúp nâng cao chiến lược phát triển vừa phát huy được các lợi thế so sánh của họ". Tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương, UNCTAD ước tính tổng vốn FDI giảm 12% trong năm 2002 tiếp theo mức giảm sút 24% năm 2001, nói chung là do giảm vốn FDI từ Hoa Kỳ và châu Âu. Tuy nhiên lại có những khác biệt lớn giữa các nước trong việc thu

hút FDI. Trung Quốc ước tính đã thu hút hơn 50 tỷ đô-la trong năm 2002, lập kỷ lục của chính họ và lần đầu tiên vượt qua Hoa Kỳ. Người ta dự đoán sẽ có sụt giảm vốn FDI trong năm 2002 vào Hồng Kông, Hàn Quốc (đã được khẳng định), Thái lan và Đài loan trong khi dự báo FDI vào Ấn độ, Malaysia, Philippin cũng như Trung Quốc sẽ tăng.

Ngân hàng Phát triển châu Á kết luận rằng trong bối cảnh môi trường kinh tế toàn cầu không chắc chắn, các nước Đông Á cần chuẩn bị sẵn sàng để hưởng ứng sự mở rộng tài chính và tiền tệ thích hợp nếu xuất khẩu giảm, và các chính phủ cần tiếp tục tiến hành cơ cấu lại và cải cách hệ thống tài chính và doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng ứng phó linh hoạt trước các cú sốc từ bên ngoài.